

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022
V/v: “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng, chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.
2. Bà Nguyễn Thị Biên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Đào Văn D, sinh năm 1971 (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 98, đường Ng, phường L, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có người khác, không còn tình cảm với chị. Chị đã cố gắng níu kéo nhưng không được, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D và đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Đào Thị Hương G, sinh năm 2001. Hiện con chung đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh D có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005 (Đăng ký sang tên cho anh D, chị Ph ngày 26/9/2007). Nguồn gốc đất do mẹ đẻ anh D tặng cho anh chị năm 2007. Diện tích thửa đất là 121,6 m², trên đất có nhà cấp 4 do chị và anh D xây dựng, hiện chị đang sinh sống, quản lý nhà đất này.

Nay chị yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật, chia cho anh D được toàn quyền sử dụng thửa đất, còn chị sẽ nhận phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng bằng tiền. Đối với tài sản gắn liền với đất, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng ý để anh D quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đào Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ph chung sống với nhau như vợ chồng với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Cưới hỏi xong, anh chị về sinh sống với mẹ anh tại nhà đất ở tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013, anh chị nảy sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế gia đình. Hiện nay, anh chị sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm. Nay anh đồng ý với yêu cầu của chị Ph, đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Ph có 01 con chung là Đào Thị Hương G, sinh năm 2001. Hiện cháu G đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Ph có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ: Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32 tổ dân phố số 3, phường M, thành phố Bắc G, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005. Nguồn gốc đất là do mẹ anh tặng cho. Năm 2007, Nhà nước đăng ký sang tên cho anh và chị Ph. Trên đất hiện có tài sản là nhà cấp 4 do anh và chị Ph xây dựng, hiện chị Ph đang sinh sống trên đó. Nay chị Ph yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất thì anh đồng ý trích chia bằng tiền cho chị Ph, còn anh mong muốn được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất. Đối với tài sản trên đất, anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2022, anh D trình bày: Năm 2007, mẹ anh tặng cho anh quyền sử dụng đất nêu trên. Toàn bộ thủ tục để đi làm Hợp đồng, xin xác nhận, nộp hồ sơ đăng ký sang tên là do anh và mẹ anh trực tiếp đi làm, chị Ph không đi cùng. Anh không biết tại sao lại có chữ ký của chị Ph trong

Hợp đồng tặng cho, cũng như trong hồ sơ cấp giấy. Cùng năm đó, sau khi hoàn tất thủ tục đi làm hồ sơ đăng ký sang tên thì chính anh là người đi lấy bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và cất giữ. Lúc đó, do tin tưởng cơ quan Nhà nước nên anh không để ý việc Giấy chứng nhận mang tên anh và chị Ph nên không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/8/2022: Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B, tỉnh B cung cấp thông tin không có ai tên là Đào Văn D đăng ký kết hôn với ai tên là Nguyễn Thị Ph trong sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại phường từ trước đến nay.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

- Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được UBND thành phố Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB ngày 29/11/2005 (Đăng ký sang tên cho anh Đào Văn D, chị Nguyễn Thị Ph ngày 26/9/2007).

- Hiện trạng sử dụng đất: 121,6 m², tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường đi lên đê Sông Thương.

+ Phía Nam giáp mương thoát nước.

+ Phía Đông giáp nhà ông Ch.

+ Phía Tây giáp nhà bà H.

- Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường chuyển nhượng thực tế tại địa phương: 12.000.000đồng/m² x 121,6m² = 1.459.200.000 đồng.

- Tài sản gắn liền với đất:

+ 01 Bán mái lợp tôn, diện tích 16,28 m², xây năm 2012 còn 50%, áp nhà tạm loại C trị giá: 7.895.800 đồng.

+ 01 Nhà cấp 4 mái lợp tôn, diện tích 53,2 m², xây năm 2012 còn 75%, áp nhà cấp 4 loại 1 trị giá: 123.291.000 đồng.

+ 01 Nhà cấp 4 loại 2, diện tích 19,9 m², xây năm 2012 còn 75%, áp nhà cấp 4 loại 2 trị giá: 38.655.750 đồng.

+ 01 Nhà bán mái lợp tôn, diện tích 15,6 m², xây năm 2016 còn 80%, áp nhà tạm loại B trị giá: 13.977.600 đồng.

+ 01 Sân lát gạch lá nem, diện tích 16,28 m², xây năm 2012, còn 75% trị giá: 1.587.300 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 185.407.450 đồng.

Tại phiên tòa, chị Ph giữ nguyên quan điểm đã trình bày, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, nguyện vọng của chị là được phân chia bằng tiền, đồng ý cho anh D quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất và xin nhận chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Đào Văn D.

+ Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về chia tài sản chung:

Phân chia cho anh D được hưởng phần quyền sử dụng đất có giá trị từ 759.200.000 đồng đến 809.200.000 đồng. Phân chia cho chị Ph được hưởng phần quyền sử dụng đất có giá trị từ 650.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

Giao cho anh Đào Văn D sở hữu toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 1.459.200.000 đồng.

Buộc anh Đào Văn D thanh toán cho chị Nguyễn Thị Ph số tiền từ 650.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

+ Về chi phí tố tụng: Chị Ph, anh D mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Ph là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung theo khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều đang cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh D vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng:

Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị Ph, anh D mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để không công nhận chị Ph và anh D là vợ chồng.

[2.2] Về tài sản chung:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005 là của bà D Thị C (mẹ đẻ anh D). Ngày 26/9/2007, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bắc Giang đăng ký biến động sang tên cho anh Đào Văn D, chị Nguyễn Thị Ph.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2022, anh D xác định bà C tặng cho riêng anh quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, lời trình bày này của anh D là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ:

Hồ sơ đăng ký biến động mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang cung cấp thể hiện bên được tặng cho gồm cả anh Đào Văn D, chị Nguyễn Thị Ph. Anh D là người trực tiếp đi làm thủ tục đăng ký biến động sang tên nên anh D không thể không biết sự việc trên.

Tiếp đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý nội dung thông tin chủ sử dụng là Đào Văn D, Nguyễn Thị Ph từ năm 2007 mà anh D không có ý kiến gì và đến nay nội dung chỉnh lý này không bị đính chính hay hủy bỏ bởi bất kỳ cơ quan nào có thẩm quyền.

Do vậy, có đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của anh D, chị Ph. Yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Ph là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 219 Bộ luật Dân sự, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về phân chia tài sản chung:

Chị Ph, anh D đề nghị phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, giao tài sản chung cho anh D sử dụng, đồng thời anh D phải thanh toán phần giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho chị Ph. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận khi phân chia tài sản chung.

Nguồn gốc tài sản chung là của mẹ đẻ anh D tặng cho, anh D là người trực tiếp đi kê khai, làm thủ tục đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất nên cần xem xét chia cho anh D hưởng phần quyền sử dụng đất nhiều hơn chị Ph. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến công sức quản lý tài sản chung của chị Ph khi phân chia, cũng như xem xét đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do vậy, tài sản chung được phân chia cụ thể như sau:

Phân chia cho anh D được hưởng phần quyền sử dụng đất có giá trị là 759.200.000 đồng. Phân chia cho chị Ph được hưởng phần quyền sử dụng đất có giá trị là 700.000.000 đồng.

Giao cho anh D sở hữu toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005.

Vì anh D được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất nên anh D có nghĩa vụ thanh toán cho chị Ph số tiền 700.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất.

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Chị Ph đã nộp tạm ứng số tiền này. Tại phiên tòa, chị Ph xin nhận chịu 1.500.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Ph, đồng thời cần buộc anh D phải nộp 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản để hoàn trả cho chị Ph theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Chị Ph, anh D phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được chia.

[5] Vấn đề khác có liên quan:

Chị Ph, anh D có 01 con chung đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Ph, anh D không yêu cầu giải quyết đối với tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ph đồng ý để anh D quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của chị Ph.

Chị Ph, anh D không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 209, Điều 219, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Đào Văn D.

2. Về phân chia tài sản chung:

2.1. Giao cho anh Đào Văn D sở hữu toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01133/QĐ số 167/QĐ-UB do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 29/11/2005, có giá trị là

1.459.200.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm chín triệu, hai trăm nghìn đồng). Anh Đào Văn D có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

2.2. Buộc anh Đào Văn D thanh toán cho chị Nguyễn Thị Ph số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ph về việc đồng ý cho anh Đào Văn D quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, có giá trị là 185.407.450 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Anh Đào Văn D phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

3.2. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ph đã thi hành xong khoản tiền này. Chị Nguyễn Thị Ph được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) sau khi anh Đào Văn D nộp lại.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 32.300.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 41.300.000 đồng (Bốn một triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo Biên lai số 0001575 ngày 30/5/2022. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

4.2. Anh Đào Văn D phải chịu 34.368.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Chị Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Hà